

Số: 32 /KH-UBND

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 3 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu**

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ban hành kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

##### **1. Mục đích:**

Việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập để cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai thường xuyên làm việc biết được tài sản, thu nhập, nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

##### **2. Yêu cầu:**

Việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo các nguyên tắc minh bạch, chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục theo quy định.

#### **II. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, PHẠM VI THỰC HIỆN:**

##### **1. Đối tượng; tài sản, thu nhập phải kê khai; phương thức kê khai:**

###### **a) Đối tượng kê khai:**

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lần đầu được quy định tại Điều 34, Luật Phòng, chống tham nhũng và tại Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020, cụ thể:

- Cán bộ, công chức.



- Người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Viên chức giữ ngạch kế toán viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

**b) Tài sản, thu nhập phải kê khai:**

- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;

- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;

- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- Tổng thu nhập.

**c) Phương thức kê khai:**

Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện theo mẫu phụ lục I đính kèm tại Kế hoạch này và đảm bảo các nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập theo hướng dẫn đính kèm theo mẫu bằng hình thức đánh máy (không viết tay).

- Việc kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

- Không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung theo quy định của mẫu.

- Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

**2. Đối tượng, hình thức, phạm vi công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:**

**a) Đối tượng thực hiện công khai bản kê khai, tài sản, thu nhập:**

Đối tượng phải công khai là những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

**b) Hình thức thực hiện công khai:**

Các cơ quan, đơn vị thực hiện công bố tại cuộc họp cơ quan, đơn vị và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra việc thực hiện công khai tại cuộc họp.

- Cuộc họp công khai bản kê khai phải đảm bảo có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập.

- Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình.



- Biên bản cuộc họp ghi lại ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có), có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị.

**c) Phạm vi công khai:**

- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công khai bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, Phó trưởng các ban của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, công chức tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cấp trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận tổ chức công khai bản kê khai của cấp trưởng, cấp phó, công chức, viên chức có nghĩa vụ phải kê khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức đơn vị.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức công khai bản kê khai của Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường và cán bộ, công chức có nghĩa vụ phải kê khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức phường.

- Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích tổ chức công khai bản kê khai của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương và những người thuộc đối tượng phải kê khai trong công ty tại cuộc họp bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Trưởng các đoàn thể và tương đương trong công ty.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Phòng Nội vụ:**

- Chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập đến Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố, Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích và Ủy ban nhân dân 34 phường để thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập và tổng hợp kết quả công khai bản kê khai của các cơ quan, đơn vị. Kể từ ngày nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung và mẫu theo quy định; trường hợp bản kê khai chưa đúng quy định thì yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại không quá 07 ngày, trừ các trường hợp có lý do chính đáng.



## 2. Thanh tra quận:

Phối hợp Phòng Nội vụ đơn đốc, kiểm tra, báo cáo việc tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, đơn vị theo quy định.

## 3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, Công ty Dịch vụ Công ích và Ủy ban nhân dân 34 phường:

- Triển khai Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị. Kể từ ngày nhận được mẫu bản kê khai, người có nghĩa vụ kê khai phải hoàn thành việc kê khai. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị kiểm tra đảm bảo nội dung kê khai đầy đủ theo quy định và tổ chức cuộc họp công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo hướng dẫn.

- Lập sổ quản lý theo dõi kê khai, giao nhận bản kê khai tại đơn vị.

- Cơ quan, đơn vị tổng hợp hồ sơ kê khai của người có nghĩa vụ kê khai (mỗi người 02 bản chính) và kết quả cuộc họp công khai (kèm biên bản họp) gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Phòng Nội vụ) **chậm nhất ngày 29/3/2021.**

Trên đây là Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khẩn trương tổ chức thực hiện theo đúng yêu cầu, nội dung và đảm bảo tiến độ theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Nội vụ) để được hướng dẫn giải quyết.

(Đính kèm:

- *Mẫu Danh sách tổng hợp những người có nghĩa vụ kê khai.*  
- *Mẫu phụ lục I - Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu.*

- *Mẫu Biên bản cuộc họp công khai Bản kê khai).* /s/

### Nơi nhận:

- TTTU, HĐND, UBND TP (pm);
- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp (bao gồm khối giáo dục) (pm);
- Công ty TNHH MTV DVCQ (pm);
- Chủ tịch UBND 34 phường (pm);
- Lưu: VT, NV.



**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Tùng**



## PHỤ LỤC I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU,  
KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ  
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

### A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...<sup>(1)</sup>  
(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: .....ngày cấp..... nơi cấp .....

##### 2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....ngày cấp..... nơi cấp .....

##### 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)



### 3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

### 3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

## II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

### 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

#### 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

##### 1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....
- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

##### 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

#### 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

##### 1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

##### 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.



## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

### 2.1. Nhà ở:

#### 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

#### 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

### 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

#### 2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

#### 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

## 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

### 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....



## II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

## III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất ( $m^2$ ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.



- (14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.
- (15) Ghi tổng diện tích (m<sup>2</sup>) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.
- (16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.
- (17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.
- (18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.
- (19) Rừng sản xuất là rừng trồng.
- (20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.
- (21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.
- (22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.
- (23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...
- (24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.
- (27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).
- (28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung



3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....



7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....



**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                       | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất                                                                                                                                                                  |                                            |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                                                                                                                                                                                            |                                            |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác                                                                                                                                                                                |                                            |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng                                                                                                                                                                         |                                            |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                                                                                                                                                                                            |                                            |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác                                                                                                                                                                         |                                            |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                      |                                            |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất                                                                                                                                                                       |                                            |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất                                                                                                                                                                   |                                            |                           |                                                                      |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                                |                                            |                           |                                                                      |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. |                                            |                           |                                                                      |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):                                                                        |                                            |                           |                                                                      |
| 6.1. Cổ phiếu                                                                                                                                                                                         |                                            |                           |                                                                      |



|                                                                                                                                                                  |  |  |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 6.2. Trái phiếu                                                                                                                                                  |  |  |  |
| 6.3. Vốn góp                                                                                                                                                     |  |  |  |
| 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác                                                                                                                                |  |  |  |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:                                                                                                             |  |  |  |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). |  |  |  |
| 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).                                                                |  |  |  |
| 8. Tài sản ở nước ngoài.                                                                                                                                         |  |  |  |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .                                                                                                          |  |  |  |

..... ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

### I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.



vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liên kế trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

#### IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

(29) Kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m<sup>2</sup> ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m<sup>2</sup> tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng/giảm           |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|------------------------|---------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------|
|                        | Số lượng tài sản    | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                  |
| 1. Quyền sử dụng đất   |                     |                           |                                                                  |
| 1.1/Đất ở              |                     |                           |                                                                  |
| - Bán thửa đất B       | - 100m <sup>2</sup> | 500 triệu                 | Giảm do bán                                                      |



|                                                                                                                                                                                                       |                      |               |                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng                                                                                                                                                                         |                      |               |                                                                                                                                              |
| 2.1. Nhà ở                                                                                                                                                                                            |                      |               | Mua nhà từ tiền bán thửa đất B                                                                                                               |
| - Mua căn hộ tại chung cư C                                                                                                                                                                           | + 100 m <sup>2</sup> | 3.500 triệu   |                                                                                                                                              |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                      |                      |               |                                                                                                                                              |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.                                                                                               |                      |               |                                                                                                                                              |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. | + 01 Sổ tiết kiệm    | 500 triệu     | Tiết kiệm từ thu nhập                                                                                                                        |
| - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D                                                                                                                                                                       |                      |               |                                                                                                                                              |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                               |                      |               |                                                                                                                                              |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:                                                                                                                                         |                      |               |                                                                                                                                              |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký                                                                                                                | + 01                 |               |                                                                                                                                              |
| - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55                                                                                                                                                                         |                      | 1.000 triệu   | Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm                                                                                                    |
| 8. Tài sản ở nước ngoài                                                                                                                                                                               |                      |               |                                                                                                                                              |
| 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.                                                                                                                                                                 |                      | + 5.600 triệu | - Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu;<br>- Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu;<br>- Tiền bán thửa đất B được 4.000 triệu |



**BIÊN BẢN**  
**HỌP CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP****Thời gian:****Địa điểm:****Thành phần dự họp:**

- Ông (bà): Nguyễn Văn A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường..., Chủ trì.
- Ông (bà): Nguyễn Thị B, Chủ tịch Công đoàn ...
- Ông (bà): Nguyễn Thị C, công chức..., Thư ký.

**Tổng số CBCC dự họp theo quy định:****- Có mặt:****- Vắng mặt:** Lý do:**Nội dung:**

- Họp công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

-

.....

.....

.....

.....

.....

**- Ý kiến của thành viên dự họp:**

.....

.....

.....

.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc      giờ      cùng ngày./.

**THƯ KÝ**  
(Ký ghi rõ họ tên)**ĐẠI DIỆN**  
**BCH CÔNG ĐOÀN**  
(Ký ghi rõ họ tên)**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký ghi rõ họ tên)



**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU**

| Stt               | Họ và tên người phải kê khai | Chức vụ          | Đơn vị    | Ghi chú |
|-------------------|------------------------------|------------------|-----------|---------|
| 1                 | Vd: Nguyễn Văn A             | Trưởng phòng ... | Phòng ... |         |
| 2                 |                              |                  |           |         |
| 3                 |                              |                  |           |         |
| 4                 |                              |                  |           |         |
| 5                 |                              |                  |           |         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                              | <b>người</b>     |           |         |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Thành phố Thủ Đức, ngày tháng năm 2021*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)